

TÀI LIỆU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Nhóm Công tác Về Lúa gạo Đông Á

HỢP PHẦN 1: CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ KINH TẾ CHÍNH CHI PHỐI THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

1. Tại sao lại có thương mại giữa các quốc gia?

Theo kinh tế học cổ điển, thương mại và tăng trưởng thường đi cùng với nhau. Cũng như vậy, con người cũng phải phụ thuộc lẫn nhau để cùng phát triển, một quốc gia cũng phải phụ thuộc vào quốc gia khác để có những hàng hóa cũng như dịch vụ mà nó cần. Điều này về cơ bản sẽ giúp đưa ra khái niệm về tự do thương mại. Tự do thương mại được dùng để nói đến việc buôn bán hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia mà không bị cản trở. Theo các nhà kinh tế học, tự do thương mại là rất tốt vì giá cả hàng hóa sẽ rẻ hơn và cuộc sống của con người nói chung cũng tốt hơn nếu các hàng rào thương mại bị xóa bỏ.

Thậm chí các nước giàu như Mỹ, Nhật hay các nước Tây Âu đều có sự hợp tác trong thương. Điều này xảy ra là vì trên thực tế thì chẳng có quốc gia nào có thể sản xuất ra mọi thứ. Ngay cả khi các nước này có thể sản xuất, họ vẫn nên nhập khẩu các loại hàng hóa dịch vụ được các nước khác sản xuất tốt hơn. Và họ cũng có thể xuất khẩu hàng hóa mà họ khả năng sản xuất tốt. Ví dụ như Mỹ là quốc gia đi đầu trong lĩnh vực công nghệ. Mỹ có thể có những loại máy móc mới nhất để tạo ra nhiều loại máy móc khác. Tuy nhiên, Mỹ lại không có phần mềm máy tính micro chip mà Philipine sản xuất. Hoặc cũng có thể chi phí sản xuất phần mềm này là quá đắt ở Mỹ.

Điều này cho thấy sự cần thiết để giải thích thuyết lợi thế so sánh. Lợi thế so sánh có nghĩa là một vài quốc gia có thể sản xuất một vài hàng hóa và dịch vụ tốt hơn các quốc gia khác. Và các quốc gia thì có xu hướng xuất khẩu những loại hàng hóa và dịch vụ mà họ sản xuất tốt hơn các quốc gia khác và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ mà họ sản xuất kém hơn các nước khác.

2. Người tiêu dung và nhà sản xuất được lợi như thế nào từ thương mại?

Nếu quốc gia A sản xuất gạo với giá \$1.000/ tấn trong khi nước B phải mất tới \$2.000/tấn, thì rõ ràng là nước A có lợi thế so với nước B về mặt giá cả. Gạo của nước A có giá thấp hơn là nhờ cách thức sản xuất hiệu quả hơn và chi phí sản xuất thấp hơn. Vì thế, họ có thể bán gạo cho người tiêu dung với giá thấp hơn nước B. Tất nhiên, với giá gạo thấp hơn, gạo của quốc gia A được người tiêu dung ưa chuộng hơn.

Vì thế nhu cầu mua gạo của nước A cũng sẽ lớn hơn do giá cả thấp hơn. Khi mà nhu cầu tăng lên, sẽ có nhiều việc làm cho người dân hơn trong ngành sản xuất gạo cũng như trong các ngành công nghiệp liên quan khác của nước A. Ngân hàng hỗ trợ tài chính cho xuất khẩu gạo cũng cần thuê nhiều người hơn; nhiều thủy thủ cũng sẽ được thuê hơn để vận hành tàu thủy chở gạo tới nước B; các công nhân bốc vác, vận chuyển hàng hóa từ cảng lên tàu ở lên tàu sẽ có nhiều việc làm hơn; nhiều lái xe sẽ có việc hơn để đưa gạo đến tận tay từng cá nhân mua hàng.

3. Liệu có những bất lợi cũng như thiệt hại từ thương mại không?

Tất nhiên là sẽ có. Các nhà sản xuất địa phương có thể bị ảnh hưởng xấu từ chính sách cởi mở trong thương mại. Có nhiều trường hợp mà chính phủ nhiều nước cho phép không kiểm soát việc nhập khẩu hàng hóa cạnh tranh với hàng hóa trong nước. Điều này sẽ khiến cho

các sản phẩm này tự do xuất hiện trong nền kinh tế nước đó, và giảm các hàng rào thuế quan áp dụng lên các sản phẩm này, vì thế chi phí nhập khẩu các sản phẩm này cũng giảm xuống.

Ví dụ, các nhà sản xuất lúa gạo của nước B sẽ bị ảnh hưởng khi mà việc nhập khẩu gạo từ nước A hay bất kỳ quốc gia khác ngày càng tăng lên. Những người tiêu dùng nước B sẽ mua gạo được nhập khẩu có giá thành thấp hơn thay vì mua sản phẩm gạo trong nước. Nếu điều này xảy ra thì các nhà sản xuất gạo trong nước buộc phải bán gạo ở mức mà không đủ để bù đắp chi phí sản xuất của người nông dân nếu muốn cạnh tranh với giá gạo nhập khẩu thấp hơn từ nước A. Và nếu việc này xảy ra thì người nông dân sẽ không trồng lúa nữa bởi vì trồng lúa không mang lại lợi nhuận nào cho họ.

Rõ ràng, ví dụ này cho thấy các nhà sản xuất địa phương sẽ bị tác động bởi sự cạnh tranh với gạo được nhập khẩu.

4. Liệu tất cả các quốc gia đều đồng ý với thương mại tự do ?

Với thương mại tự do, các quốc gia có vị trí khác nhau phụ thuộc vào một nền thương mại tự do sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế nước đó như thế nào. Nếu chính sách thương mại này có lợi cho nền kinh tế địa phương cũng như thu nhập của người dân nước đó, thì sẽ có nhiều cơ hội hơn cho chính phủ cũng như người dân ủng hộ sự cởi mở hay tự do trong thương mại. Tuy nhiên, nếu nó ảnh hưởng xấu đến thu nhập cũng như sinh kế của người dân thì dường như chính phủ và nhân dân nước đó sẽ không đồng ý mở cửa thị trường như vậy.

5. Các công cụ chính sách thương mại nào đã bị xóa bỏ để có được một nền thương mại tự do hơn?

Hạn ngạch được hiểu như là một sự hạn chế về số lượng. Nó là một dạng rào cản phi thuế quan. Nó sẽ hạn chế số lượng hàng hóa có thể được nhập vào một quốc gia. Vấn đề ví dụ trên ta thấy, quốc gia B muốn bảo vệ nông dân trồng lúa trong nước khỏi nguy cơ mất sinh kế do sự cạnh tranh không cân sức với giá gạo được nhập khẩu từ nước A. Chính phủ nước B có thể áp đặt hạn ngạch để hạn chế số lượng gạo được nhập khẩu từ A.

Hạn ngạch được sử dụng để bảo vệ một số ngành trong nước khỏi sự cạnh tranh nhập khẩu, như là việc dùng áp dụng mức thuế. Theo tổ chức thương mại thế giới (WTO), hạn ngạch được thay thế bằng thuế quan mà được yêu cầu cắt giảm dần.

Trong khi đó, thuế quan là một loại thuế mà được áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu. Vì thế, giống như bất kỳ loại thuế nào mà được thông qua tới người tiêu dùng một phần nào đó hay toàn bộ thì thuế quan sẽ khiến cho giá của hàng hóa nhập khẩu tăng lên. Thuế quan cần cắt giảm để thương mại được tự do hơn.

6. Việc đàm phán thương mại sẽ được thực hiện như thế nào giữa các quốc gia?

Hiện nay, các quốc gia đang đàm phán song phương, đa phương cũng như trong khu vực về các quy định thương mại. Đàm phán thương mại song phương là quá trình đàm phán các hiệp ước thương mại giữa hai quốc gia. Ví dụ, trong một nỗ lực có được cơ hội tiếp cận thị trường giữa Philipine và Nhật bản, chính phủ hai nước đã ký kết một hiệp ước thương mại song phương, gọi là Hiệp ước đối tác kinh tế Nhật - Philipine.

Hiệp ước thương mại khu vực được thực hiện giữa một nhóm các quốc gia dựa trên một số đặc điểm chung như về địa lý, ngôn ngữ, lịch sử, vv. Hiệp ước này sẽ giúp thúc đẩy thương

mại và tăng trưởng kinh tế giữa các nước thành viên. Ví dụ như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

WTO là một ví dụ điển hình về hệ thống thương mại đa phương. Người ta cho rằng hệ thống thương mại đa phương tốt hơn các hiệp ước thương mại song phương bởi vì các quy định minh bạch hơn, công bằng hơn và được tuân theo bởi tất cả thành viên. Đàm phán thương mại song phương thường được quốc gia mạnh hơn quốc gia đối tác ưa thích.

HỢP PHẦN 2: MỘT VÀI ĐIỀU CƠ BẢN VỀ WTO

1. GATT-WTO được hình thành như thế nào?

Trước khi có WTO, Hiệp ước chung về thuế quan và thương mại (GATT) đã được thành lập vào năm 1947 ở Bretton Woods, nối tiếp sự ra đời của Ngân hàng thế giới và Quỹ Tiền tệ thế giới.

GATT được tạo ra là để dần dần cắt giảm các hàng rào thương mại thông qua các cuộc đàm phán thường xuyên hay còn gọi là vòng đàm phán diễn ra từ năm 1948 đến năm 1995. Các cuộc đàm phán này hình thành và phát triển hiệp ước, từ đó dẫn đến sự ra đời của WTO.

WTO là một tổ chức có tầm ảnh hưởng lớn đến hệ thống thương mại đa phương ngày nay. Nó đã được thành lập trong vòng đàm phán thứ 8 được tổ chức ở Punta del Este ở Uruguay hay còn gọi là vòng đàm phán Uruguay. Với sự ra đời này, GATT đã chấm dứt và được thay thế bằng WTO.

Trong suốt vòng đàm phán Uruguay, đã có nhiều cuộc đối thoại về danh sách mở rộng của các hiệp ước bao gồm có 17 hiệp ước.

Các hiệp ước liên quan đến buôn bán hàng hóa

- Nông nghiệp
- Các biện pháp vệ sinh an toàn và an toàn vệ sinh thực vật
- Dệt và may mặc
- Các rào cản Kỹ thuật tới thương mại
- Thương mại liên quan đến các biện pháp đầu tư (TRIMS)
- Chống phá giá
- Đánh giá hải quan
- Kiểm tra trước khi xuất hàng bằng đường biển
- Các quy định về nguồn gốc xuất xứ
- Cấp giấy phép nhập khẩu
- Các biện pháp bảo hộ và đền bù
- Sự bảo vệ

Các Hiệp ước thương mại riêng biệt

- Hiệp ước chung về thương mại trong ngành dịch vụ
- Thương mại liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ
- Các hiệp ước nhiều bên về thương mại trong hàng không dân dụng, hiệp ước quốc tế về phân phối sữa, hiệp ước quốc tế về thị gia súc.

Cơ chế

- Giải quyết tranh cãi thông qua hiểu biết lẫn nhau
- Cơ chế xem xét lại chính sách thương mại

2. Các đặc điểm cơ bản của các thành viên trong WTO là gì?

Các quy định cơ bản áp dụng với tất cả thành viên của WTO là quy tắc Tối huệ quốc (MFN), quy tắc Đối xử quốc gia và quy tắc Trách nhiệm cá nhân.

Theo quy tắc MFN, tất cả các nước thành viên của WTO thì đều phải thực hiện tất cả các quy định thương mại giống nhau đối với bất kỳ thành viên nào khác của WTO. Điều này có nghĩa là các chính sách thương mại đang được Philipine áp dụng với Mỹ thì cũng sẽ được áp dụng với tất cả các thành viên khác của WTO. Philipine không thể thiên vị bất kỳ đối tác thương mại nào trừ khi đối tác đó không phải là thành viên của WTO.

Nguyên tắc MFN đóng một vai trò quan trọng trong việc thực thi chính sách thương mại chuẩn trên toàn cầu trong một hệ thống thương mại đa phương.

Trong khi đó, nguyên tắc Đối xử quốc gia đảm bảo chính sách đối nội của một quốc gia phù hợp với chính sách được áp dụng với các đối tác thương mại của WTO. Ví dụ, nếu Philipine cấm các sản phẩm có chứa lượng aflatoxin cao, thì nước này cũng phải cấm nông dân trong nước sản xuất các sản phẩm có chứa lượng aflatoxin tương tự.

Nguyên tắc trách nhiệm cá nhân có nghĩa là các quốc gia không thể lựa chọn đứng ngoài một hiệp ước nào cho dù quốc gia đó cho rằng họ không thấy bất kỳ lợi ích nào khi tham gia hiệp ước đó. Với trách nhiệm cá nhân, các thành viên cam kết tham gia tất cả các hiệp ước mà được xây dựng bởi WTO.

Tổ chức WTO nhận ra một điều là chính phủ các nước có trình độ phát triển cũng như nguồn lực sẵn có khác nhau. Vì thế, WTO có một chính sách có tên là Đối xử đặc biệt và khác biệt. Tức là các nước giàu thực hiện cắt giảm nhiều hơn và theo lộ trình thực hiện cắt giảm thuế quan ngắn hơn các nước khác. Những nước có nền kinh tế đang phát triển, nhỏ và dễ bị tổn thương thì sẽ có những sự ưu tiên ngoại lệ như lộ trình thực hiện thuế lâu hơn và cũng được cắt giảm ít hơn.

HỢP PHẦN 3: CÁC VẤN ĐỀ TRONG HIỆP ƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP CỦA WTO (AOA)

1. Những điều kiện cơ bản của AOA của WTO

Hiệp ước về nông nghiệp của WTO có 3 trụ cột chính đó là tiếp cận thị trường, bảo trợ nội địa, và cạnh tranh xuất khẩu. Các vấn đề chính của mỗi trụ cột sẽ được thảo luận dưới đây:

Tiếp cận thị trường

Thay thế hạn ngạch bằng thuế quan

Bởi vì mục tiêu chính của WTO là thúc đẩy tự do thương mại nên tổ chức này đang đẩy mạnh việc thay thế cơ chế hạn ngạch hiện nay bằng thuế quan. Người ta tin rằng việc áp dụng thuế quan thì tốt hơn là áp dụng hạn ngạch. Lý do là thuế quan là công cụ thương mại có thể dự đoán trước được.

Việc xóa bỏ hạn ngạch ngang với cho phép các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu được bước chân vào thị trường trong nước miễn là các nhà xuất khẩu sẵn sàng trả mức thuế được đặt ra.

Giảm thuế

Sau khi thay hạn ngạch bằng thuế, các nước sẽ phải cam kết giảm thuế. Các nước đang phát triển có lịch trình cắt giảm thuế từ 10% đến 24% trong giai đoạn 10 năm, trong khi đó các nước phát triển phải cắt giảm thuế từ 15% đến 36% trong giai đoạn 6 năm.

Mỗi quốc gia đều phải tuân theo lộ trình cam kết nhất định về cắt giảm thuế với các sản phẩm nông nghiệp. Theo kế hoạch cắt giảm, sẽ có tỷ lệ bắt đầu hay tỷ lệ biên mà thuế hàng hóa có thể được sử dụng vào năm đầu tiên và cuối cùng của Hiệp ước về nông nghiệp. Trong khi đó, cũng sẽ có tỷ suất thuế được áp dụng, tức là một tỷ suất thuế thực sự được sử dụng bởi chính phủ. Tỷ suất thuế áp dụng thông thường thấp hơn tỷ suất thuế bắt buộc. (hộp 1)

Hộp 1

Ví dụ, ở Philipine, chính phủ nước này thực hiện tự do hóa ngành nông nghiệp đơn phương thậm chí trước khi lộ trình cắt giảm thuế được đặt ra. Điều này là do họ tin rằng nước này sẽ được hưởng lợi nhiều từ việc tự do hóa sớm.

Ví dụ, tỷ suất thuế bắt buộc ở Philipine đối với sản phẩm rau theo WTO là 40% thuế nhưng tỷ suất áp dụng thuế của nước này chỉ là 7%.

Hạn ngạch thuế quan và Khối lượng mở cửa thị trường tối thiểu

Hạn ngạch thuế quan liên quan tới lượng hàng hóa mà một quốc gia có thể nhập khẩu với mức thuế thấp hơn thì được gọi là mức thuế trong hạn ngạch. Còn tất cả hàng hóa nhập khẩu khác sẽ phải chịu tỷ lệ thuế bình thường thì được gọi là mức thuế ngoài hạn ngạch mà thông thường cao hơn tỷ lệ trong hạn ngạch.

Cơ chế này cũng có thể đổi lẫn cho nhau, khi đó nó được gọi là Khối lượng mở cửa thị trường tối thiểu (MAV). Việc xác định ban đầu về lượng hàng hóa có thể được nhập theo MVA tương đương với 3% lượng tiêu thụ của một quốc gia tiêu thụ sản phẩm đó trong 3 năm từ năm 1986 đến năm 1988.

Bảo hộ đặc biệt

Hiệp ước về nông nghiệp cũng có một **Cơ chế tự về đặc biệt** cho phép các nước có biện pháp tạm thời bảo hộ các nhà sản xuất trong nước trong trường hợp nhập khẩu tăng mạnh. Các nước cũng được phép nâng tạm thời tỷ suất thuế trong trường hợp mức độ nhập khẩu tăng phá vỡ về số lượng cũng như giá cả. Tuy nhiên, những biện pháp bảo hộ tạm thời này cũng phải theo cách thức của WTO.

Tuy nhiên, các nước phát triển cũng có các biện pháp bảo vệ tương tự thông qua SSG.

Giảm sự trợ cấp nội địa

Trợ cấp nội địa ở đây chính là tất cả các trợ cấp của chính phủ để bảo vệ nhà sản xuất nông nghiệp trong nước (xem trong hộp 3 và 4). Các hộp này được chia thành các hộp khác nhau theo sự phân loại các cách thức hỗ trợ khác nhau của chính phủ.

Hộp 2

Một ví dụ điển hình là cơ chế hỗ trợ giá của các nước châu Âu theo một Chính sách nông nghiệp chung (CAP). Ở châu Âu, bất cứ khi nào giá sản phẩm nông nghiệp giảm xuống dưới mức giá hỗ trợ nhất định thì liên minh châu Âu mua sản phẩm nông nghiệp đó. Mức giá hỗ trợ cũng được xác định ở mức cao đến nỗi mà các nhà sản xuất nông nghiệp có xu hướng sản xuất nhiều hơn nhu cầu. Khi mà cung lớn hơn cầu thì Liên minh châu Âu cũng hứa sẽ mua lượng hàng hóa dư thừa này thông qua hỗ trợ về giá.

Hộp 3

Việc nhập khẩu đường thực hiện theo chính sách nông nghiệp chung của châu Âu

Nông dân và các nhà chế biến ở châu Âu được trả với giá cao gấp 4 lần so với giá đường của thị trường thế giới, tương đương với việc tạo ra 4 triệu tấn đường thặng dư. Việc thặng dư này sẽ khiến giá trên thị trường thế giới xuống thấp bằng cách tạo ra hơn 1 tỷ đô la trong bảo hộ xuất khẩu được trả cho một nhóm nhỏ các nhà chế biến.

Trong khi đó, Mỹ cũng có chương trình bảo hộ tương tự cho nông dân Mỹ, gọi là Đạo luật nông nghiệp

Hộp hỗ phách

Hộp hỗ phách dùng để chỉ tất cả các sự hỗ trợ mà bóp méo thương mại hay có những ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Đây được gọi là biện pháp hỗ trợ tổng hợp (AMS). Chúng ta có thể lấy ví dụ trên về hỗ trợ giá để thảo luận. Một ví dụ khác về hỗ trợ mà cũng thuộc vào loại này đó là các biện pháp khuyến khích sản xuất bằng cách tặng thưởng cho nông dân khi họ sản xuất nhiều.

Các quốc gia được hy vọng là sẽ giảm việc áp dụng bảo hộ sản xuất trong nước theo kiểu hộp hỗ phách này càng sớm càng tốt theo Hiệp ước Nông nghiệp của WTO.

Hộp xanh da trời

Hộp xanh da trời có nghĩa là một quốc gia đưa ra chương trình hạn chế sản xuất. Các chương trình này nhằm mục đích hạn chế sản xuất một loại hàng hóa nhất định. Một vài quốc gia cũng có chương trình về đất mà chính phủ sẽ trả cho nhà sản xuất để họ không trồng trọt. Chính sách này giúp đảm bảo giá của sản phẩm không giảm thấp hơn do sản xuất quá nhiều.

Hình thức hỗ trợ này cũng cần được cắt giảm.

Hộp xanh lá cây

Hộp xanh lá cây là các biện pháp hỗ trợ mà không tác động trực tiếp đến sản xuất hay buôn bán sản phẩm. Thông thường, nó được dùng để chỉ các chương trình tổng quát của một quốc gia để phát triển nền nông nghiệp. Cách thức hỗ trợ nông dân này của chính phủ được cho là không bóp méo hay ảnh hưởng đến thương mại. Vì thế, đây là một dạng hỗ trợ được phép thực hiện. Ví dụ, chính phủ có thể hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo các cách sau:

- Nghiên cứu
- Kiểm soát bệnh dịch
- Cơ sở hạ tầng
- An ninh lương thực

Cách này bao gồm trả tiền theo một cách nhất định mà không kích thích sản xuất như là hỗ trợ nông dân trong việc tái cơ cấu nông nghiệp và cách thức trả trực tiếp theo cách chương trình hỗ trợ về môi trường cũng như khu vực của chính phủ.

Trợ cấp tối thiểu

Trợ cấp tối thiểu là cách một quốc gia hỗ trợ nhà sản xuất trong nước dựa trên tổng giá trị hàng hóa nông nghiệp nội địa. Có hai loại tối thiểu việc trợ cấp là xác định hàng hóa cụ thể và không xác định hàng hóa cụ thể.

Với phương pháp không xác định hàng hóa cụ thể, các nước đang phát triển được phép có các biện pháp trợ cấp khoảng 10% giá trị của tổng sản lượng trong nước. Tuy nhiên, các nước phát triển thì chỉ được trợ cấp 5% tổng giá trị sản lượng trong nước.

Để hiểu rõ hơn, ta có thể lấy ví dụ sau. Ví dụ giá trị sản lượng nông nghiệp của nước A là 10 tỷ peso, thì nước đó có thể trích ra 1 tỷ peso để hỗ trợ các nhà sản xuất nông nghiệp trong nước bởi vì đây là nước đang phát triển.

Trợ cấp tối thiểu cho hàng hóa cụ thể tức là hỗ trợ một hàng hóa cụ thể dựa trên sự đóng góp của hàng hóa đó với tổng giá trị sản lượng nông nghiệp trong nước. Ví dụ, tổng giá trị sản lượng ngô nước A là 5 tỷ, thì nước A có thể hỗ trợ cho các nhà sản xuất ngô 500 triệu.

Xóa bỏ cạnh tranh xuất khẩu

Trợ cấp xuất khẩu

Trợ cấp xuất khẩu mà các nước phát triển đưa ra để giúp nhà sản xuất một loại hàng hóa xuất khẩu thì sẽ dẫn đến *cạnh tranh xuất khẩu*.

Đây cũng là một cách mà chính phủ đền bù một cách trực tiếp hay gián tiếp cho các doanh nghiệp tư nhân để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông nghiệp. Bảo hộ xuất khẩu là hỗ trợ tài chính cho xuất khẩu, thúc đẩy xuất khẩu, có được hưởng ưu đãi về thuế và các cách hỗ trợ khác khiến cho giá của sản phẩm thấp hơn chi phí thông thường sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu.

Ví dụ như nhóm CAIRNS (bao gồm 19 nước xuất khẩu nông sản) đang yêu cầu xóa bỏ và cấm các hình thức trợ cấp nông nghiệp. Nhóm này cho rằng bảo hộ xuất khẩu làm giảm giá hàng hóa nông nghiệp trên thị trường thế giới. Từ đó thu nhập của nông dân sẽ giảm, khiến cho nghèo đói trong khu vực nông thôn vẫn diễn ra. Hơn nữa, giá giảm cũng sẽ ảnh hưởng xấu đến sản xuất lương thực trong nước của các nước nhập khẩu và khiến cho nhà sản xuất trong nước không có động lực để sản xuất. Việc xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu có thể sẽ khiến tăng giá sản phẩm nông nghiệp trên thị trường thế giới.

Hỗ trợ lương thực

Như tên gọi của nó, hỗ trợ lương thực là cách mà các nước giàu phát triển hỗ trợ nước nghèo và nước đang phát triển. Đây dường như là một hành động mang tính nhân đạo cao nhưng trên thực tế, hỗ trợ lương thực bị chỉ trích vì gây ra việc mất sinh kế của bà con nông dân ở các nước nhận hỗ trợ. Chương trình này bị chỉ trích chủ yếu là vì cạnh tranh không công bằng giữa nền sản xuất nông nghiệp địa phương với cơ chế mà các nước phát triển áp dụng để phá giá sản phẩm thặng dư của nước họ.

Có hai loại hỗ trợ lương thực: Thứ nhất là cho không và không cần hoàn trả, còn dạng thứ hai là một dạng cho vay với điều kiện ưu đãi. Chúng ta có thể thấy ví dụ về dạng hỗ trợ lương thực thứ hai là Luật nhân dân 480 của Mỹ. Philipine đang tiếp cận chương trình này của Mỹ bằng cách nhập khẩu ngô, gạo, đậu nành từ Mỹ và sẽ trả tiền trong 20 năm.

Chính phủ Philipine bán các sản phẩm nông nghiệp này cho thị trường trong nước và dùng tiền lãi thu được để hỗ trợ tài chính cho các dự án nông nghiệp trong nước. Đây cũng là cơ hội để tài chính hóa hỗ trợ nhập khẩu lương thực. Điều này càng khiến chính phủ Philipine háo hức tiếp cận Luật nhân dân 480 của Mỹ mặc dù là nguồn cung trong nước có thể đáp ứng được.

Bên cạnh ảnh hưởng xấu đến các nhà sản xuất trong nước, chương trình hỗ trợ lương thực cũng gây ra nhiều tranh cãi bởi vì việc sử dụng tài chính thực sự mà thu được từ tài chính hóa chương trình này còn nhiều vấn đề.

Việc đưa ra chương trình hỗ trợ lương thực là một mối lo ngại lớn cho các nước nghèo và các nước đang phát triển nhưng thật không may khi mà WTO vẫn chưa có quy định nghiêm ngặt về việc áp dụng chương trình này.

2. Có phải các sản phẩm đều được buôn bán tự do? Sẽ không có bất cứ một sự miễn thuế nào được đưa ra?

WTO chấp nhận miễn thuế cho một số các sản phẩm nhất định của một số nước với QR theo phụ lục 5 của Thỏa thuận về Nông nghiệp, với những lí do hợp lý.

Ví dụ, Philipines có thể duy trì mức QR của họ đối với gạo vì lý do an ninh lương thực. Điều này sẽ hết hiệu lực vào năm 2005 nhưng đã được đàm phán lại và kéo dài đến năm 2012.

3. Tại sao các tổ chức xã hội dân sự lại đưa ra các vấn đề về WTO?

Hiện tại có rất nhiều vấn đề trong WTO thậm chí ngay cả trong thời gian của GATT. Rất nhiều nông dân nhận thấy rằng các điều khoản trong thỏa thuận nông nghiệp sẽ mang lại những khó khăn cho nền nông nghiệp địa phương đặc biệt là đối với các nền kinh tế nhỏ, đang phát triển. Họ thấy rằng họ không có khả năng cạnh tranh đối với các hàng hóa nhập khẩu được bảo hộ đến từ các nước như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản.

Một điều khoản trong Đối xử đặc biệt và khác biệt đang được thực hiện với các nền kinh tế đang và kém phát triển. Mặc dù vậy, nếu chúng ta nhìn vào các điều khoản hiện tại của AOA thì rõ ràng các điều khoản này có lợi cho các nền kinh tế phát triển.

4. Những vấn đề được đề xuất bởi các tổ chức xã hội dân sự?

- **Bao quát thị trường tự do trong nông nghiệp:**

Như đã đề cập ở trên, mối quan tâm chính của GATT và WTO là thay thế những hạn chế về định lượng bằng hàng rào thuế quan và bước cuối cùng là giảm các loại thuế quan để thúc đẩy nền thương mại mở giữa các quốc gia. Với những quốc gia như Philipin, nhà nước vẫn mở cửa thị trường trong nước dù các doanh nghiệp nội địa chưa sẵn sàng để cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài. Chính phủ Philipin đã dỡ bỏ QR và thay vào đó quyết định áp thuế đối với 93 mặt hàng bao gồm: các loại rau, thịt, ngô và các sản phẩm khác. Những người nông dân Philipin tỏ mối quan ngại ngay sau đó vì họ cho rằng họ sẽ phải chịu thiệt khi nhập khẩu vì họ hầu như không nhận được sự hỗ trợ nào như nông dân ở các nước xuất khẩu.

Hiện nay, các nước đang được yêu cầu cắt giảm thuế hơn nữa trong thời gian tới. Mặc dù cùng tham gia cắt giảm, các nước giàu hầu như không chịu ảnh hưởng nhiều bởi quá trình này. Mức thuế đã áp dụng tại các quốc gia này quá cao nên dù có cắt giảm một nửa thì nhà sản xuất nội địa vẫn an toàn. Ví dụ điển hình là trường hợp của Nhật Bản, Thụy Sĩ và một số nước đang phát triển, sau khi đã cắt giảm thì thuế vẫn ở mức cao 400%.

- **Sự duy trì trợ cấp xuất khẩu tại các nước đang phát triển:**

Sự đối xử không bình đẳng trong WTO là khá rõ nếu chúng ta căn cứ vào điều khoản AOA (hiệp định về nông nghiệp) về trợ cấp xuất khẩu. AOA cho phép các nước đã phát triển giữ hỗ trợ xuất khẩu ở mức cao, ví dụ như vấn đề cho phép các nước này trợ cấp xuất khẩu tương đương 64% so với trợ cấp giai đoạn 1986-1990.

Trong khi đó, mặc dù các nước đang phát triển được phép giữ mức hỗ trợ xuất khẩu 76% so với giai đoạn 1986-1990 như một sự ưu đãi đặc biệt, tuy nhiên điều khoản này không thực sự công bằng cho các quốc gia đang phát triển vì họ không thể trợ cấp hiệu quả cho nông dân khi thiếu nguồn vốn.

Hiện nay, EU là khu vực có mức hỗ trợ xuất khẩu cao nhất. Từ năm 1995-2000, khối này chiếm khoảng 92% (tương đương 29,3 tỷ USD) trợ cấp xuất khẩu toàn thế giới. Tiếp sau đó là Thụy Sĩ và Na-Uy đóng góp khoảng 1,8 tỷ USD trong khi Mỹ chỉ hỗ trợ xuất khẩu với số tiền khoảng 487 triệu USD.

Ngoài ra, 23 nước khác chiếm khoảng 1,5 tỷ USD trợ cấp xuất khẩu trong cùng giai đoạn. Nhóm này bao gồm một số nước đang phát triển như: Pakistan, Ấn Độ, Hàn Quốc, và Thái Lan.

- **Thiếu các quy tắc tín dụng xuất khẩu và trợ cấp lương thực:**

Ngoài việc trợ cấp xuất khẩu, các nước phát triển đang sử dụng trợ cấp lương thực để thâm nhập thị trường các nước đang phát triển một cách hợp pháp.

Một ví dụ điển hình cho vấn đề này là Đạo luật PL 480 của Mỹ. Từ năm 1991-2001, tổng sản lượng nhập khẩu mà Philipin có thể tiếp cận thông qua PL 480 vào khoảng 190 triệu USD giá trị của các sản phẩm: ngũ cốc, gạo và đậu nành.

- **Cho phép trả trực tiếp nhà sản xuất theo Hộp Xanh Lá cây**

Như đã đề cập ở trên, Hộp Xanh lá cây cho phép trợ cấp trong WTO vì cho rằng hỗ trợ này sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất và thương mại. Tuy nhiên, rất nhiều nước phát triển trả tiền trực tiếp cho các đối tượng được trợ cấp theo các loại hình trợ cấp được xếp vào Hộp Xanh lá cây. Các nước đang phát triển rất phản đối phương thức thanh toán này.

- **Sự lạm dụng đo lường về vấn đề vệ sinh và kiểm dịch thực vật do các nước phát triển sử dụng nhằm hạn chế hàng xuất khẩu của nước ngoài vào thị trường nội địa:**

Một điều tốt mà GATT/WTO đã hứa sẽ mang lại là mở cửa thị trường hơn nữa tại các nước phát triển. Đó là tín hiệu tốt cho các nước như Philipines. Các nước đang phát triển mong muốn có thể xuất khẩu tới nhiều thị trường lớn hơn.

Tuy nhiên, thực tế không hoàn toàn như vậy. Mặc dù các nước phát triển đã cắt giảm thuế nhưng các nước nghèo vẫn khó tiếp cận với các thị trường này một khi các quốc gia phát triển áp dụng một số phương pháp đo lường vệ sinh và kiểm dịch thực vật nhằm hạn chế hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển một cách không phân biệt đối xử.

Rào cản về kiểm dịch thực vật và an toàn vệ sinh thực phẩm (SPS) là quy chế của một nước áp dụng với hàng nhập khẩu. Những quy chế này được thực hiện nhằm mục đích đảm bảo các hàng nhập khẩu không mang mầm bệnh, hay hoá chất độc hại ảnh hưởng sức khoẻ người tiêu dùng trong nước và ảnh hưởng đến các ngành sản xuất nội địa.

5. Chúng ta có thể làm gì để giải quyết triệt để vấn đề này?

Những người ủng hộ GATT/WTO chỉ ra rằng ảnh hưởng của tự do hoá toàn cầu rất khó kết luận trong thời điểm hiện tại. Theo họ, sự tăng trưởng nhanh của nhập khẩu và sự chững lại của nhiều ngành sản xuất là do sự yếu kém của chính các ngành này chứ không phải từ vấn đề tự do hoá thị trường.

Trong trường hợp của Philipin, các nhà kinh tế đã chỉ rõ nông dân nơi đây không đủ khả năng cạnh tranh trong thị trường mở là lý do chính mà Chính Phủ nước này phải đặc biệt quan tâm. Trong khi đó, các tổ chức nông dân và xã hội dân sự địa phương lại hoàn toàn đồng ý với Chính Phủ trong vấn đề ưu tiên tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực nông nghiệp. Thực tế là vấn đề ưu tiên này đã được các tổ chức trên đưa ra trước khi có sự ra đời của GATT. Họ cho rằng, không có sự hỗ trợ này, Chính Phủ thậm chí không có quyền tự do hoá thị trường hay loại bỏ sự bảo vệ sinh kế của họ vốn đã rất ít ỏi.

Một thực tế rõ ràng rằng, những năm vừa qua, sau khi Philipin gia nhập GATT/WTO, mọi lợi ích mà các đề xuất trước đây hứa hẹn đều chưa được cụ thể hoá tại quốc gia này. Hi vọng rằng, những bài học trong suốt quá trình 10 năm thực thi hiệp định về nông nghiệp sẽ giúp cho Chính Phủ Philipin có được bài học về tính cần trọng trong cam kết đàm phán trong tương lai trong WTO.

6. Về vấn đề trên, các tổ chức xã hội dân sự có thể làm gì để đảm bảo rằng các nhà đàm phán thương mại sẽ không nhượng bộ thêm trong lĩnh vực nông nghiệp của chính quốc gia họ?

Giám sát các cam kết của chính phủ là rất quan trọng. Tất cả các nỗ lực để tăng năng suất nông nghiệp, thúc đẩy nhiều hơn nữa an ninh lương thực sẽ là số không nếu các chính sách thương mại không nhất quán với các mục tiêu trên.

HỢP PHẦN 4: NHỮNG SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT (SP)VÀ CÁC CƠ CHẾ TỰ VỆ ĐẶC BIỆT (SSM):

1. Có bất cứ một điều khoản nào của WTO cho phép trì hoãn tự do hóa?

Có. Gần đây, một đề xuất của G33 về SP và SSM đang trong quá trình đàm phán trong hội nghị WTO.

SP và SSM là kết quả trực tiếp của hành động vận động hành lang của các nước đang phát triển nhằm giải quyết vấn đề mất cân bằng của các hiệp định gần đây đồng thời đi tới thoả thuận có ý nghĩa và hữu ích hơn về các biện pháp đối xử đặc biệt.

Một yếu tố quan trọng trong đề xuất này là việc miễn giảm thuế cho một nhóm sản phẩm, chủ yếu là nông sản thực phẩm nằm trong việc cam kết về mở cửa thị trường và hỗ trợ nội địa. Điều này được ghi nhận là do tầm quan trọng của các sản phẩm này trong việc thực hiện mục tiêu an ninh lương thực tại các nước đang phát triển.

SP là những sản phẩm đóng vai trò chủ đạo trong vấn đề an ninh lương thực, sinh kế và phát triển nông thôn của một nước, vì vậy cần được bảo vệ thương mại.

SSM là cơ chế giúp các nước đang phát triển đối phó với sự tăng lên của nhập khẩu. Cơ chế này chỉ áp dụng đối với các nước đang phát triển và giúp cải thiện thuế bảo hộ đặc biệt (SSG).

Với tỷ lệ cắt giảm thuế được đề xuất hiện nay của WTO, các nước đang phát triển nên yêu cầu những điều kiện thuận lợi cho các SP và SSM trong ngành nông nghiệp.

Như vậy, kết quả của việc thảo luận về việc lựa chọn, phạm vi bao phủ và các biện pháp xử lý đối với SP cũng như phương thức cuối cùng cho các SSM sẽ đóng vai trò quan trọng vào khả năng bảo vệ ngành nông nghiệp của các nước đang phát triển trước vấn đề tự do hoá thương mại. Vì lý do trên, các quốc gia đang phát triển cùng với các tổ chức xã hội dân sự nên yêu cầu mức linh động tối đa dành cho SP và SSM.

Chính phủ của các nước đang phát triển nên xem xét những lợi ích của SP và SSM dựa trên lợi ích chung cho đất nước. Chính phủ cũng cần phân loại những sản phẩm cần được bảo hộ và mức bảo hộ đối với chúng. Thông tin này sẽ giúp cho Chính phủ dễ dàng hơn trong việc định dạng các SP và áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp cho các sản phẩm này.

2. Những vấn đề cần xem xét cụ thể trong đàm phán WTO đối với sản phẩm đặc biệt và các cơ chế bảo hộ đặc biệt:

Dưới đây là quan điểm khởi xướng của G33 cũng như một vài quan điểm được thông qua bởi R1 và các tổ chức xã hội dân sự của G33 về SP và SSM. Các phương thức cho sản phẩm đặc biệt và cơ chế tự vệ đặc biệt vẫn đang trong quá trình đàm phán. Các thay đổi và đề xuất hiện tại về những cơ chế này sẽ được thảo luận sau:

- **Về sản phẩm đặc biệt:**

Về việc lựa chọn các sản phẩm đặc biệt - Các nước được tự do lựa chọn các sản phẩm cần thiết đưa vào tình trạng SP. Điều này phụ thuộc vào mục tiêu và ưu tiên của các nước khác nhau, vì vậy cần có sự linh hoạt để xác định danh mục của sản phẩm sẽ được công bố là sản phẩm đặc biệt. Vấn đề này đã được quyết định trong hội nghị họp của Các Bộ trưởng tại Hồng Kông năm 2005 tuy nhiên sự thay đổi vẫn có thể xảy ra, vì vậy vận động hành lang là rất cần thiết.

Danh mục hay số lượng sản phẩm được công bố là SP - mục tiêu đầu tiên của G33 là đạt được tối đa 20% trong toàn bộ dòng thuế nông nghiệp dành cho SP. Một ví dụ điển hình là

Philippin, quốc gia này có khoảng 802 dòng thuế nông nghiệp, 20% tương ứng với khoảng 160 dòng thuế.

Biện pháp xử lý đối với SP – G33 cho rằng các SP nên được miễn việc cắt giảm thuế và việc áp dụng MAV hay TRQ. Ngoài ra, R1 cùng với các tổ chức xã hội dân sự của G33 cho rằng các sản phẩm này nên dành được sự bảo hộ cao hơn bằng cách áp thuế cao hơn tỷ suất biên, và cho phép áp dụng hạn chế định tính và các loại thuế cụ thể. Trên hết, các sản phẩm đặc biệt nên được phép hỗ trợ nội địa ở mức không hạn chế.

- **Về cơ chế tự vệ đặc biệt (SSM):**

Về vấn đề quản lý SSM – Cơ chế này nên được áp dụng với tất cả các sản phẩm nông nghiệp của các nước đang phát triển chứ không chỉ áp dụng với các sản phẩm đặc biệt (SP). Cơ chế này nên được xây dựng để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng triển khai thực hiện.

Các mức lấy áp dụng SSM - Liên minh G33 đã đề xuất việc sử dụng mức lấy về khối lượng hoặc giá cả như một phương pháp để xác định có hay không sự tăng lên của nhập khẩu hay sự giảm giá dựa trên một số công thức.

Giải pháp cho SSM – Khi có bất kỳ mức lấy nào bị vi phạm, đề xuất của G33 là áp thêm các loại thuế để giá nhập khẩu cân bằng với mức lấy. Tuy nhiên, yêu cầu của các tổ chức xã hội dân sự của G33 là cho phép các nước đang phát triển có khả năng áp đặt mức thuế cao hơn mức tỉ suất biên.

3. Đã khá lâu kể từ lần đầu tiên nhóm G33 đề xuất SP/SSM tại Cancun. Đã có những thay đổi nào trong phương thức SP và SSM?

Từ khởi xướng của G33, đã có thêm nhiều nội dung cụ thể được bổ sung thêm vào SP và SSM. Các nước đang phát triển đã đưa ra các đề xuất kiên quyết để chống lại những đề xuất của các nước phát triển (vốn có xu hướng bác bỏ các đề xuất ban đầu của G33).

- **Sản phẩm đặc biệt**

Những vấn đề cốt lõi liên quan tới các SP là:

1. Số lượng các sản phẩm sẽ áp dụng mức cắt giảm thuế bằng 0 – con số ban đầu được G7 đưa ra là ở 5% trên toàn bộ các dòng thuế nông nghiệp. Con số của các nước G33 đưa ra là 20% tổng các dòng thuế nông nghiệp nên được miễn cắt giảm thuế. Mặc dù vậy, con số này sau đó giảm xuống 10% và sau đó nữa là 8%.
2. Số lượng các sản phẩm được coi là các sản phẩm đặc biệt – các nước G7 đưa ra là 12% trên tổng các dòng thuế nông nghiệp, theo tính toán của các nước G33 thì con số này quá nhỏ và nên để ở mức 15%.
3. Các bước cắt giảm thuế đối với các sản phẩm đặc biệt – các nước G7 chấp nhận cắt giảm một bước với mức cắt giảm trung bình từng bước là 11%. Các nước G33 thì cho rằng con số này nên là 9% vì cắt giảm thuế suất chỉ theo một bước. Trước đó thì các nước G33 đã chấp nhận thực hiện phương thức cắt giảm 2 bước đối với các sản phẩm đặc biệt: bước một là giảm 0%, và bước tiếp theo với mức cắt giảm tối thiểu.

- **SSM (Cơ chế tự vệ đặc biệt)**

Các vấn đề cốt yếu trong cơ chế tự vệ đặc biệt:

1. Các biện pháp: Mỗi quan tâm chủ yếu là liệu các biện pháp này có vượt quá xa mức thuế biên được đề ra ở Vòng đàm phán Uruguay hay không. Nhóm G33 đã bảo vệ các biện pháp

xa hơn mức thuế ràng buộc trước vòng đàm phán Doha. Argentina, Paraguay, Uruguay (APU), Canada, Mỹ và Thái Lan đã từ chối đề xuất này.

Trong quá trình đàm phán, đã có thỏa thuận ngầm rằng các biện pháp có thể vượt xa hơn mức thuế biên. Tuy nhiên, những người phản đối đã cố gắng hạn chế việc tiếp cận tới các biện pháp này bằng cách đưa ra mức lấy cao hơn tới 140%. Điều này có nghĩa là nhập khẩu sẽ phải tăng lên 40% so với mức lấy trước khi biện pháp này được áp dụng. Đề xuất này đã bị nhóm G33 bác bỏ. Tuy nhiên, Mỹ thậm chí còn đề xuất rằng mức lấy còn có thể tăng lên 150%.

2. Kiểm tra chéo – Nhóm G7 đã đề xuất chỉ khi có sự giảm giá mới có thể áp dụng biện pháp này, thậm chí ngay cả khi mức lấy về khối lượng bị vi phạm. Điều này sẽ giới hạn khả năng tiếp cận và sử dụng SSM, bởi vì các quốc gia sẽ phải đáp ứng hai yêu cầu nếu muốn sử dụng SSM.

3. Sử dụng SSM trên cơ sở MFN (nguyên tắc Tối huệ quốc) – Điều này có nghĩa là nhập khẩu dưới dạng ưu đãi không được xem như là tăng mức nhập khẩu. Tuy nhiên, vấn đề này đã không được chú ý trong quá trình đàm phán vốn chỉ tập trung vào các vấn đề của biện pháp SSM, và sau đó là các mức lấy để phá bỏ các biện pháp.

4. Nếu đó là những luận điểm không thuyết phục, liệu chúng ta có thể làm một điều gì đó không?

Thực tế, mặc dù mất rất nhiều năm mà chưa một thỏa thuận nào đã đạt được nhưng tiếng nói của Các tổ chức xã hội dân sự cũng đang tạo nên một làn sóng và dần được lắng nghe, tuy nhiên vẫn còn rất yếu ớt.

Các nước phát triển tiếp tục đòi hỏi nhiều thỏa hiệp trong cơ chế này, đặc biệt là về vấn đề SSM (Cơ chế bảo hộ đặc biệt). Thực tế, một số nước đang phát triển quan tâm tới xuất khẩu cũng có mong muốn như các nước phát triển (ví dụ: Thái Lan, Malaysia, Uruguay, Paraguay, Argentina, v.v.). Số lượng ngày càng tăng của các ý kiến phản đối SP (các sản phẩm đặc biệt) và SSM càng thúc đẩy sự ủng hộ của công chúng đối với các biện pháp bảo hộ này. Thiếu sự ủng hộ của xã hội dân sự trong việc thúc đẩy tối đa tính linh hoạt của SP và SSM, thì không có gì là ngạc nhiên khi G33 sớm chấp nhận đòi hỏi của các nước phát triển.

Điều này giải thích tại sao nhu cầu cần có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự từ nhiều nước trong việc yêu cầu đất nước họ bảo vệ ngành nông nghiệp nội địa khỏi quá trình tự do hóa ngày càng trở nên cấp thiết. Các tổ chức này phải kêu gọi chính phủ phải triển khai một số mô hình ngay trong nước để xác định nhu cầu về SP và SSM. Đồng thời, là một nước phát triển, họ phải gia nhập G33 và tiếp tục thương thảo để đạt được độ linh hoạt tối đa có thể.

PHỤ LỤC: Sự kiện chủ yếu, Giải pháp và các Khối quyền lực chủ yếu trong WTO

Một cuộc hội nghị cấp Bộ trưởng WTO được đề xuất nhóm họp 2 năm một lần để thảo luận về việc thực hiện các Điều ước. WTO cũng đã tổ chức một số cuộc họp cấp Bộ trưởng - ở Singapore (1996), Geneva (1998), Seattle (1999), Doha (2001), Cancun (2002), Hongkong (2005).

Hội nghị cấp Bộ trưởng Seattle

Cuộc khủng hoảng công khai đầu tiên trong WTO là tại Hội nghị Bộ trưởng Seattle. Đây là lần đầu tiên các nước đang phát triển thể hiện sự phản nộ đối với các tác động của tự do hóa lên nền kinh tế của nướchợ. Nguyên nhân là do vẫn còn những điều khoản không công bằng trong WTO – AoA và trong quá trình triển khai thực hiện.

Cùng lúc với Hội nghị Bộ trưởng ở Seattle, một cuộc biểu tình lớn của những người phản đối tự do hóa đã nổ ra ở bên ngoài hội nghị. Những người biểu tình bao gồm nông dân, công nhân và các tổ chức phi chính phủ từ khắp nơi trên thế giới. Đã có xô xát dẫn đến đổ máu tại cuộc biểu tình khi cảnh sát Mỹ cố gắng đẩy lùi những người biểu tình.

Do có tranh cãi xung quanh các cuộc bàn thảo, hội nghị này đã không thành công và cũng không đưa ra được thỏa thuận cho vòng đàm phán khác để đạt được một thỏa thuận mới.

Vòng đàm phán Doha về Phát triển

Sau Hội nghị ở Seattle, WTO quyết định tiếp tục các thảo luận ở Doha, Qatar. Theo các nhà tổ chức, tổ chức biểu tình ở đây sẽ khó hơn nhiều bởi Chính phủ quản lý chặt chẽ hơn.

Trong Hội nghị này, WTO đã thành công trong việc đưa ra Vòng đàm phán Phát triển Doha. Trong bối cảnh biểu tình chống tự do hóa ngày càng tăng thì phát triển đã trở thành trọng tâm của các vấn đề đàm phán. Nó nhằm chỉ ra các điểm bất bình đẳng trong các thỏa thuận và việc thực thi.

Chương trình nghị sự Phát triển Doha (DDA) đã được đưa ra trong hội nghị này. Theo phân tích của các tổ chức phi chính phủ, mặc dù phát triển đã chiếm một phần trong nội dung của chương trình nghị sự, nhưng rõ ràng vấn đề tự do hóa vẫn là chủ đề ưu tiên của chương trình nghị sự này.

Sự sụp đổ của Vòng đàm phán Cancun

Hội nghị Cancun được mong đợi là sẽ mở rộng nội dung thảo luận của DDA. Nhưng điều này đã không bao giờ xảy ra. Thay vì tập trung vào các mối quan tâm của các nước đang phát triển, các nước phát triển đã bảo vệ lợi ích của họ và không chấp nhận quan điểm loại bỏ các loại trợ cấp mà họ đang thực hiện.

Trong khi đó, việc giảm trợ cấp là một mục tiêu chủ yếu của tự do thương mại.

Bên cạnh đó, các nước giàu muốn đưa các vấn đề từ hội nghị Singapore vào nội dung bàn thảo. Các vấn đề Singapore bao gồm: chính sách cạnh tranh, vấn đề mua sắm công (mua sắm của chính phủ), khuyến khích thương mại và các vấn đề khác. Các vấn đề này được gọi là vấn đề Singaporre vì đã được đưa ra lần đầu tiên tại Hội nghị Singapore năm 1996. Các nước đang phát triển phản đối việc đưa ra các vấn đề này tại cuối hội nghị, bởi theo họ, chúng còn cung cấp thêm cho các nước phát triển các công cụ phục vụ cho lợi ích riêng của họ.

Sự thiếu nhất trí tại Cancun đã lại dẫn tới sự sụp đổ của vòng đàm phán này.

Các nhóm quyền lực chính và lợi ích của họ

Các nhóm quyền lực thúc đẩy để chương trình nghị sự của họ được xuất hiện trong mọi cuộc đàm phán. Trong lịch sử WTO, đây là các nhóm đã được hình thành vì mục đích phục vụ cho lợi ích riêng của họ:

Mỹ:

- Rất kiên quyết trong vấn đề mở cửa thị trường
- Mong muốn duy trì mức độ trợ cấp sản xuất nội địa càng nhiều càng tốt

Liên minh châu Âu:

- Bảo hộ mạnh mẽ thị trường nội địa của họ cho một số sản phẩm
- Mong muốn duy trì mức độ trợ cấp sản xuất nội địa càng nhiều càng tốt

G20:

- Mong muốn loại bỏ trợ cấp xuất khẩu
- Mong muốn giảm bớt trợ cấp nội địa của các nước phát triển
- Bao gồm: Argentina, Bolivia, Brazil, Chile, Cuba, Ai Cập, Guatemala, Ấn Độ, Mexico, Nigeria, Pakistan, Paraguay, Philippines, Nam Phi, Thái Lan, Venezuela, Zimbabwe.

G33

- Mong muốn bảo hộ một số sản phẩm chủ yếu có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, sinh kế và phát triển nông thôn thông qua SP và SSM
- Các nước đang phát triển hầu hết là các nước nhập khẩu thực phẩm
- Bao gồm Barbados, Botswana, Trung Quốc, Cuba, Công, Bờ biển Nga, Cộng hòa Dominican, Haiti, Honduras, Indonesia, Jamaica, Kenya, Korea, Mauritius, Mông Cổ, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Pakistan, Panama, Peru, Philippines, Senegal, Sri Lanka, Tanzania, Trinidad và Tobago, Thổ Nhĩ Kỳ, Uganda, Venezuela, Zambia và Zimbabwe.

G10:

- Duy trì bảo hộ đối với một vài sản phẩm nhạy cảm
- Bao gồm Bulgaria, Iceland, Israel, Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Liechtenstein, Mauritius, Na Uy, Thụy Sĩ, Đài Loan.

Thỏa thuận khung Tháng Bảy

Sau sự sụp đổ của vòng đàm phán Cancun, WTO cố gắng cứu vãn các cuộc thảo luận bằng cách đưa ra một văn bản thể hiện ý định tiếp tục theo đuổi các cuộc bàn thảo. Đây chính là Thỏa thuận khung Tháng Bảy bao gồm các nguyên tắc cơ bản cho các cuộc đàm phán sắp tới.

Nội dung của Thỏa thuận khung Tháng Bảy

Tương tự như AOA, nội dung của thỏa thuận này tập trung vào 3 chủ đề chính:

1. Mở cửa thị trường

Các điều khoản về mở cửa thị trường của Thỏa thuận khung Tháng Bảy tiếp tục chính sách tự do hóa đã có. Tuy nhiên, Thỏa thuận này phân loại các sản phẩm thành 3 nhóm:

- **Các sản phẩm nông nghiệp thông thường**

Đây là các sản phẩm thông thường và sẽ được áp dụng lộ trình cắt giảm thuế thông thường. Thỏa thuận không bao gồm nội dung thảo luận về việc cắt giảm thuế thực tế cho các sản phẩm này. Nhưng rõ ràng là tất cả các quốc gia được mong muốn giảm thuế cho các sản phẩm được xếp trong nhóm này.

- **Các sản phẩm nhạy cảm**

Nhóm sản phẩm tiếp theo bao gồm các sản phẩm nông nghiệp được coi là **sản phẩm nhạy cảm**. Điều khoản về sản phẩm nhạy cảm đã bao gồm nguyên tắc về **sự cải tiến thực chất**, theo đó thay vì giảm thuế cho các sản phẩm này, mức độ Khối lượng mở cửa thị trường tối thiểu (MAV) sẽ được ra.

(MAV nghĩa là khối lượng hàng hóa có thể được nhập khẩu dưới mức thuế thấp hơn hoặc theo thuế suất trong hạn ngạch).

Dựa trên nguyên tắc **cải tiến thực chất**, các Chính phủ có thể sử dụng kết hợp biện pháp giảm thuế và **mở rộng TRQ (hạn ngạch thuế quan)** và **giảm thuế suất trong hạn ngạch**. Các nước phát triển và đang phát triển đều có thể có lợi từ cơ chế này.

• **Sản phẩm đặc biệt**

Nhóm sản phẩm thứ 3 được gọi là Sản phẩm đặc biệt, đây là đề xuất của G33 (cùng với SSM).

Sản phẩm đặc biệt là sản phẩm rất quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh lương thực, sinh kế và phát triển nông thôn của các nước đang phát triển. Thỏa thuận khung Tháng Bảy không có điều khoản rõ ràng nào cho nhóm sản phẩm này. Nội dung chi tiết sẽ được WTO quyết định trong các cuộc đàm phán trong tương lai.

G33 đang vận động để các sản phẩm đặc biệt được tách riêng ra khỏi các thỏa thuận về tiếp cận thị trường khác. Theo họ, SP và SSM là các ứng dụng thực tế của các nguyên tắc đối xử đặc biệt và khác biệt – một quyền của các nước đang phát triển theo WTO.

2. **Cạnh tranh xuất khẩu**

Như là một sự nhượng bộ đối với lời kêu gọi của các nước đang phát triển, Thỏa thuận khung Tháng Bảy cũng đề cập đến sự cần thiết của **thời hạn kết thúc** cho các trợ cấp xuất khẩu hiện có nhưng không xác định cụ thể thời hạn này. Đây sẽ là nội dung quan trọng cho các vòng đàm phán tiếp theo.

Bản Thỏa thuận khung Tháng Bảy đã đề cập đến một số quy tắc về trợ cấp xuất khẩu. Đặc biệt, thời hạn hoàn tiền không được vượt quá 180 ngày, nếu không, đó sẽ được coi là trợ cấp. Các quy tắc về sử dụng tiền tài trợ khác cũng sẽ được thảo luận trong các vòng đàm phán tiếp theo.

Tuy nhiên, Thỏa thuận khung Tháng Bảy không có bất kỳ điều khoản nào về đối xử với thực phẩm cứu trợ mặc dù có nêu rõ cần phải có các quy tắc cho vấn đề này.

3. **Trợ cấp nội địa**

• **Cắt giảm toàn bộ trợ cấp thương mại biến thể (OTDS)**

Các nước giàu được trông đợi sẽ áp dụng mức thuế cắt giảm cao hơn.

OTDS là kết quả của việc kết hợp quy tắc tối thiểu, trợ cấp theo Hộp Xanh da trời và Hộp Hồ phách (còn được gọi là Thước đo tổng hợp Trợ cấp). Theo Thỏa thuận khung Tháng Bảy, mức độ trợ cấp của một quốc gia không được vượt quá 80% OTDS trong năm đầu tiên và năm cuối cùng của thời gian thực hiện.

Đáng chú ý là việc tính toán OTDS dựa trên các mức độ biên (hoặc mức hỗ trợ cao nhất có thể) mà một quốc gia có thể cung cấp cho các nhà sản xuất nội địa. Thông thường các mức độ biên cao hơn mức độ trợ cấp được áp dụng. Do đó, mức độ OTDS được chấp nhận vẫn

còn cao hơn nhiều so với mức hỗ trợ thực tế mà một nước đang phát triển đang áp dụng. Bởi vậy, điều khoản này vẫn còn để lại một khoảng rộng về mặt chính sách cho các nước phát triển trong tương lai (để họ có thể tiếp tục duy trì trợ cấp).

Mỹ đã tài trợ một khoản là 24 triệu USD trong khi Châu Âu trợ cấp 73 triệu USD cho các nhà sản xuất nội địa trong năm 2000. Sử dụng công thức tính toán trong thoả thuận khung tháng 7 thì Mỹ và Châu Âu vẫn còn có thể tăng mức tài trợ nội địa lên mức lần lượt là 38 triệu USD và 91 triệu USD.

Trong trường hợp này, rõ ràng không hề có sự cắt giảm mức hỗ trợ kinh tế nội địa nào để đề cập tới và cũng không hề có nỗ lực làm cho thương mại công bằng.

- **Thay đổi Hộp thông qua việc mở rộng Hộp xanh da trời**

Việc cắt giảm mức hỗ trợ theo Hộp hổ phách thúc đẩy các nước giàu, bao gồm cả Mỹ, phải tìm các cách thức tài trợ khác cho nông dân nước họ. Đây là lý do tại sao mà các nước này lại đang thúc đẩy việc viết lại Hộp xanh da trời

Hộp xanh da trời là một dạng hỗ trợ để giới hạn việc sản xuất. Nhưng từ khi Mỹ không còn sử dụng loại hỗ trợ này, họ muốn mở rộng phạm vi bao quát để họ có thể chuyển một số các khoản tài trợ từ Hộp màu hổ phách sang Hộp xanh da trời.

Thoả thuận khung này đồng thời cũng lập lên mức hỗ trợ bổ sung là 5% của tổng giá trị sản xuất. Bản chất của điều này lại tiếp tục tạo cho các nước phát triển tăng thêm mức hỗ trợ tối thiểu 5%.

Vi điều khoản mới này trong Thoả thuận khung tháng 7, các nước phát triển càng có lý do để không cắt giảm mức hỗ trợ nội địa của họ.

Họp Cấp Bộ Trưởng Hồng Kông

Vào tháng 12 năm 2005, Cuộc họp các bộ trưởng của lần thứ sáu WTO được tổ chức tại Hồng Kông để hoàn thiện Vòng đàm phán Phát Triển Doha. Cuộc họp này đặt trọng tâm là xác định được các phương thức DDR để có thể cụ thể hoá luật thực thi. Cụ thể nhiệm vụ ở đây là xác định bản chất của thoả thuận khung tháng 7.

Dưới đây là những yếu tố cơ bản của Bản Tuyên Bố Nông Nghiệp tại Hồng Kông

- Đồng thuận về lộ trình cắt giảm thuế 4 bước cho các nước phát triển và đang phát triển. Chi tiết sẽ được thảo luận tại Geneva;
- Năm 2013 là hạn cuối cho tài trợ xuất khẩu; các nước đang phát triển đã thúc đẩy cho một hạn chót sớm hơn là vào năm 2010;
- Không đưa ra được nguyên tắc rõ ràng về hỗ trợ thương mại biến thể, đặc biệt là về Hộp xanh da trời;
- Các nước đang phát triển có thể tự thiết kế các sản phẩm đặc biệt, tuy nhiên đã không chỉ rõ ra số lượng các dòng thuế liên quan;
- Không có các điều khoản rõ ràng về SSM, ngoại trừ việc cho phép áp dụng các mức lũy về giá cả và khối lượng nhập khẩu.

Với bản thoả thuận này từ Hồng Kông, việc giám sát những cuộc đối thoại tiếp theo tại Geneva là rất cần thiết.

Cuộc họp cấp bộ trưởng không chính thức – Geneva Thụy Sĩ

Tháng 7 năm 2008

Cuộc họp cấp bộ trưởng chính thức thất bại vào ngày 29 tháng 7 năm 2008. Sự thất bại này là do các bộ trưởng không đi tới được thống nhất về cơ chế chung về SSM, đặc biệt là trong việc quy định mức lấy của vi phạm và mức thuế biên cho SSM. Phía Mỹ đề nghị mức lấy là 150 %, thậm chí còn cao hơn mức 140% mà các nước G33 đã từ chối trước đó.

Trong khi, Mỹ đề xuất cắt giảm mức hỗ trợ thương mại nội địa biến thể xuống còn 15 tỷ USD. Mức OTDS của Mỹ trong ba năm gần đây còn thấp hơn con số này, nghĩa là 15 tỷ USD này trên thực tế không phải là mức cắt giảm hiệu quả trên phương diện hỗ trợ thực tế. Các nước G-20 đã ghi nhận động thái này nhưng vẫn yêu cầu Mỹ cần cắt giảm hơn nữa.

Trong lời giải trình tại cuộc đối thoại với các tổ chức xã hội dân sự, đại diện Trung Quốc nói rằng các nước thành viên không chấp nhận đề xuất mức cắt giảm 15 tỷ USD của Mỹ là con số cuối cùng. Các nước khác cũng cho rằng Mỹ có thể cắt giảm ở mức cao hơn nữa nếu Mỹ đang chỉ chi ra số tiền hỗ trợ còn thấp hơn nhiều so với con số 15 tỷ USD. Bởi vậy, trên thực tế, đề xuất này sẽ để cho Mỹ một khoảng khá rộng về mặt chính sách để họ có thể tăng mức trợ cấp .

Tham khảo:

PGTEP Notes

Kasunduan sa Agrikultura ng World Trade Organization

Seizing the Opportunity: SP/SSM